

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TRONG GIỜ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THEO CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

VŨ THỊ THANH HUYỀN*

Ngày nhận bài: 02/11/2017; ngày sửa chữa: 03/11/2017; ngày duyệt đăng: 09/11/2017.

Abstract: The objective of teaching literature at school is to educate student the truth, the good and the beautiful, forming learners' personality from the lessons that help them to appreciate the beauty and the great, to love, know and express their emotions with good deeds, and to have a clear attitude towards evil and injustice. Helping learners learn how to appreciate a literary work is a necessity in the innovation of methods of teaching literature lessons under knowledge-skill based approach. The article addresses innovation of the teaching method in the reading comprehension lessons under knowledge-skill based approach in term of some theoretical issues, situation of teaching reading comprehension and some innovations in teaching reading comprehension under knowledge-skill based approach in order to improve the quality of literary teaching in the approach of capacity building for learners.

Keywords: Knowledge, learner, skills, teacher.

1. Mở đầu

Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT về chuẩn kiến thức, kĩ năng được cụ thể hoá ở từng môn học, theo từng lớp học nhằm khắc phục trạng quá tải trong giảng dạy, học tập; giảm thiểu dạy thêm, học thêm [1]. Đối với môn *Ngữ văn*, bám sát mục tiêu bài học nhằm đạt được những yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kĩ năng, đảm bảo không quá tải và không quá lệ thuộc vào sách giáo khoa; mức độ khai thác sâu kiến thức phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh (HS); vận dụng phương pháp phù hợp phát huy tính chủ động sáng tạo của người học, rèn luyện phương pháp tư duy sáng tạo, năng lực tự học tự nghiên cứu; tạo niềm vui phấn khởi, thái độ tự tin trong học tập; người dạy thiết kế những câu hỏi, bài tập nhằm phát huy sự sáng tạo và giúp người học có thói quen vận dụng vấn đề đã học vào thực tiễn cuộc sống. Bài viết đề cập: 1) Một số vấn đề lí luận; 2) Thực trạng dạy đọc hiểu văn bản hiện nay; 3) Một số đổi mới trong dạy đọc hiểu văn bản theo chuẩn kiến thức, kĩ năng nhằm góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn *Ngữ văn* theo tiếp cận hình thành phẩm chất năng lực cho người học.

2. Nội dung.

2.1. Một số vấn đề lí luận

Dạy đọc hiểu là việc giáo viên (GV) hướng dẫn HS sử dụng những kĩ năng để đọc hiểu văn bản thông qua các hoạt động, thao tác và theo một quy trình nhất định nào đó. Khi đọc hiểu đề cao vai trò của chủ thể tích cực, sáng tạo của HS trong hoạt động đọc.

Chuẩn kiến thức yêu cầu người học phải hiểu rõ và nắm vững các kiến thức cơ bản trong chương trình, sách giáo khoa để từ đó có thể phát triển năng lực nhận thức ở cấp cao hơn

Chuẩn kĩ năng yêu cầu phải biết vận dụng các kiến thức đã học để trả lời câu hỏi, giải bài tập, làm thực

hành, liên hệ thực tế có kĩ năng tính toán, vẽ hình, dựng biểu đồ...

Bước sang thế kỉ XXI, xu thế của thế giới có nhiều thay đổi với sự phát triển như vũ bão của khoa học kĩ thuật, mục tiêu của giáo dục được Đảng và Nhà nước ta đưa ra nêu rõ trong Điều 23 *Luật Giáo dục* là: Đào tạo thế hệ những con người yêu nước, hiểu biết và có niềm tin vào lí tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tự hào về truyền thống dựng nước, giữ nước và nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc; quan tâm đến vấn đề bức xúc có ảnh hưởng đến quốc gia, khu vực toàn cầu; tin tưởng góp phần thực hiện mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; có lối sống lành mạnh, cần kiệm, có lòng nhân ái; có tinh thần hợp tác ý thức trách nhiệm. Để làm được nhiệm vụ đó, môn *Ngữ văn* có tác động mạnh mẽ đến tư tưởng, tình cảm, giúp người học có những rung cảm trước cái cao cả, cái đẹp,...

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về "đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế" đặt ra yêu cầu thay đổi cách tiếp cận giảng dạy là chuyển từ tiếp cận dạy truyền thụ kiến thức (GV đọc, thuyết trình; HS nghe và ghi chép) sang tiếp cận dạy hình thành phẩm chất năng lực (GV hướng dẫn, gợi mở; HS suy nghĩ tự tìm cách giải quyết vấn đề) [2]. Đó là vấn đề khó đặt ra cho môn *Ngữ văn*, đặc biệt là phần đọc hiểu văn bản.

2.2. Thực trạng

Trong những năm gần đây, với sự đổi mới phương pháp trong dạy học, chất lượng dạy - học *Ngữ văn* trong nhà trường có nhiều chuyển biến. Tuy nhiên,

* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

kết quả dạy học Ngữ văn ở trường chưa đáp ứng và bắt kịp với sự phát triển của thời đại với yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kì CNH, HĐH.

Có nhiều nhà giáo trăn trở trong việc dạy học môn Ngữ văn theo tinh thần đổi mới phương pháp, vì đây là môn học liên quan trực tiếp đến cảm xúc thẩm mỹ của người học. Đứng trước một tác phẩm văn chương, người dạy bao giờ cũng phải đặt ra rất nhiều câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Phải làm gì?... Để dạy một giờ ngữ văn có sức cuốn hút, bên cạnh các phương pháp đọc phân tích, nêu vấn đề thì lời bình vẫn là phương pháp quen thuộc trong giờ đọc hiểu văn bản. Nó như một bí quyết bình thơ, văn. Ai biết bình và bình giỏi giờ văn sẽ hứng thú, không có giờ văn nào thành công mà lại thiếu lời bình của người hướng dẫn và HS. Nhà phê bình Hoài Thanh có nhắc lại ý của Tống bí thư Trường Chinh là: Bình thơ cũng như đánh đàn đệm cho người ta hát, lên dây chùng một tí hay căng một tí cũng lạc điệu; nói nhiều cũng không nên, phải biết dừng lại đúng chỗ, đúng lúc để cho người đọc suy nghĩ mở rộng có khi không cần nói gì để cho người đọc tiếp xúc với câu thơ không môi giới.

Trên thực tế, giờ dạy đọc hiểu văn bản nếu không có phương pháp phù hợp dễ dẫn đến “hàn lâm” xuôi chiều, ít phù hợp với suy nghĩ của người học, ít tính văn chương, khó đi vào cảm xúc ảnh hưởng đến rung cảm thẩm mỹ khi cảm nhận tác phẩm, không kích thích được sự tò mò, óc sáng tạo của người học.

2.3. Một số đổi mới phương pháp trong cách dạy

Đổi mới phương pháp trong giờ đọc hiểu văn bản theo chuẩn kiến thức kĩ năng có nhiều cách để tiếp cận văn bản giải pháp bình thơ vẫn là con đường ngắn nhất để đến với tác phẩm: bình văn thơ là một công việc nghệ thuật rất phức tạp và rất tế nhị:

- Thứ nhất, người bình phải hiểu, phải cảm sâu sắc độ biến nó thành rung cảm cảm xúc, tình cảm chủ quan nhưng không vì thế mà tiếng nói của mình lấn át tiếng nói của nhà văn nhà thơ. Người dạy phải luôn là người trung gian đưa tiếng nói của nhà văn nhà thơ đến với người học một cách nhanh nhất. Muốn vậy, người GV phải lựa chọn điều gì điểm gì đáng bình nhất. Với tác phẩm văn chương hay tác phẩm thơ phải lựa chọn điểm nhìn, chọn đâu là từ “thần” của câu thơ.

Ví dụ: Khi nói về hình ảnh ông đồ cảm nhận hình ảnh của lớp người về thời một đi không trở lại, tác giả Vũ Đình Liên viết những câu thơ mà giương như nhà thơ cảm động đến tận đáy lòng: “Giấy đỏ buồn không thắm/ Mực đọng trong nghiên sâu/Lá vàng rơi trên giấy/Ngoài trời mưa bụi bay” (*Ông đồ* - Vũ Đình Liên). Người dạy cần phải hướng dẫn cho người học cảm nhận được bài

thơ để có thể đưa ra lời bình: - *Về hoàn cảnh ra đời của bài thơ?* Thời đại của “vang bóng một thời” khi Nho học đang ngự trị; - *Về tâm trạng của ông đồ?* Lại một mùa xuân về ông đồ vẫn ngồi đấy như xưa, đường phố vẫn đông người qua lại, mà sự có mặt của ông đồ không hề có ai biết đến; - *Suy ngẫm của ông đồ?* Ông ngồi đấy lặng lẽ nhưng lòng ông là một tấn bi kịch; nỗi buồn thấm vào những vật vô tri “Nỗi buồn của giấy đỏ - Nỗi sầu của nghiên mực”; những nghệ thuật đặc sắc mà tác giả sử dụng để miêu tả tâm trạng, bút pháp nhân hoá làm cho ta thấy chỉ đọc thôi đã thấy ngậm ngùi, còn gì buồn hơn khi những vật vô tri cũng thấm đẫm nỗi sầu, còn gì buồn hơn khi hình ảnh thơ miêu tả chẳng phải là cái mưa dầm dề sâu nào ghê gớm mà chỉ là mưa bụi, mưa chẳng thể làm ướt áo người qua đường mà âm đạm buốt giá đến xót xa.

Khi giảng về thơ Nguyễn Du, người dạy cần hướng dẫn người học phải hiểu được phong cách thơ ông cũng như cần phải hiểu về thời đại của ông, có thể đưa ra những gợi mở: - *Hoàn cảnh thời đại của những tác phẩm thơ Nguyễn Du?* (Đó là thời đại có nhiều biến cố, ông tận mắt chứng kiến thời Lê mất, sự dâm ô, xa hoa trụy lạc của giai cấp thống trị, những cảnh điêu linh loạn lạc chiến tranh liên miên giữa các triều đại phong kiến. Có thể nói Nguyễn Du là một nhân chứng sống thấu hiểu xã hội điên đảo đó, cảnh đau khổ không chỉ riêng cho một lớp một hạng người mà là số phận của những người lương thiện); - *Thơ Nguyễn Du thể hiện tinh thần nhân đạo cao cả như thế nào?* (Tinh thần nhân đạo trong thơ ông là tinh thần bao quát thế giới của những con người bị chà đạp, dày xéo về thể xác cũng như tinh thần. Mỗi lời thơ như một lời an ủi những kẻ bất hạnh. Đồng thời gợi lên trong lòng họ một nỗi uất ức, tức giận, một sự phẫn nộ căm hờn chế độ bất công tàn nhẫn); - *Sự thể hiện tinh thần nhân đạo cao cả đó trong các tác phẩm cụ thể của Nguyễn Du?* Khi miêu tả nhân vật Mã Giám Sinh trong Truyện Kiều, ông đề cập đến những chi tiết trong bộ mặt, dáng điệu, lời nói, cử chỉ để phơi bày bộ mặt xấu xa của hắn. Nguyễn Du tố cáo bộ mặt họ Mã kia chỉ bằng những câu thơ ngắn gọn: Về diện mạo thì “Quá niên trạc ngoại tứ tuần, Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao”; Về cách nói năng: “Hỏi tên rằng: “Mã Giám Sinh”, Hỏi quê rằng: “Huyện Lâm Thanh cũng gần”. Sự giả dối từ diện mạo đến lai lịch, hành động cử chỉ thì càng làm cho người ta khinh bỉ: “*Ghế trên ngồi tót số sàng*”. Với vài từ miêu tả lời nói cộc lốc, với cử chỉ thì chỉ một từ “tót” thôi cũng đã có sức gợi tả hình ảnh, diễn tả hành động thô lỗ; cũng với từ “tót” Nguyễn Du đã lột tả được họ Mã với tất cả bản chất xấu xa đối lập với bề ngoài bảnh chọe).

- Thứ hai, khi bình, phải nêu được vấn đề có ý khái quát nội dung nghệ thuật. Khi phân tích Truyện Kiều của Nguyễn Du phải khai thác hết được tính nhân đạo, bút pháp của Nguyễn Du như: - Sự thể hiện lòng căm ghét những hạng người vô lại trong xã hội trong Truyện Kiều của Nguyễn Du là những đối tượng nào? (Nguyễn Du thương xót cho Kiều bao nhiêu thì ông lại càng căm ghét bọn làm khổ Kiều bấy nhiêu. Ông ghét cay ghét đắng bọn quan lại trong xã hội truyện Kiều, ghét từ đám sai nha băng nhặng, hách dịch xông vào nhà họ Vương như một đám ruồi xanh đến Mã Giám Sinh, Bạc Bà, Bạc Hạnh vì tiền làm trái lương tâm, Khuyến Ung vì tiền mà gây tội ác: “Máu tham hề thấy hơi đồng là mê”; - Mặt trái của đồng tiền được thể hiện như thế nào trong tác phẩm? (Sau cái hậu đài phong kiến một chế độ mới cũng bắt đầu lộ mặt hung hãn kiêu căng của nó. Đồng tiền có thể đổi trắng thay đen, tác oai tác quái hãm hại dân lành. Đồng tiền cho phép lũ ác ma như Mã Giám Sinh, Tú Bà, Bạc Bà... kẻ mua người bán dưới sự che chở của pháp luật khiến chúng được nghênh ngang: “Một ngày lạ thói sai nha/ Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền”. Ông cảm thông và bênh vực cho con người có tài có đức có sắc có tình như Kiều cũng chỉ là món hàng qua lại, bán mua nên ông căm ghét cái sức nặng của đồng tiền, nó đè nặng lên kiếp người tay không và lương thiện. Ông hả hê khi Kiều báo ân báo oán, để cho Kiều cầm cán cân công lí trừng trị bọn bất lương. Ông cổ vũ cho Từ Hải vùng gươm chém hết lũ bất nhân. Ngòi bút của ông cũng ghen ngào buồn tủi khi Từ Hải bị giết vì tin người); - Nghệ thuật bút pháp của Nguyễn Du khi mô tả nhân vật, cảnh vật? (Ông miêu tả người anh hùng thì quá ít có tác giả nào miêu tả được như vậy: “Chọc trời khuấy nước mặc dầu/Đọc ngang nào biết trên đầu có ai”. Với nhân vật được nhiều yêu mến, Nguyễn Du thường dành những trang thơ đầy ưu ái với bút pháp ước lệ để miêu tả hoặc so sánh với vẻ đẹp của thiên nhiên, vẻ đẹp của Thuý Kiều hoàn mỹ đến hoa hờn nguyệt thẹn: “Làn thu thủy nét xuân sơn/Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”. Đặc biệt những trang thơ tả cảnh thiên nhiên quả là hiếm thấy, cảnh đồng quê “cảnh chiều hôm”, “cảnh non xa trắng gần”, cảnh “ầm ầm tiếng sóng”: “Dưới cầu nước chảy trong veo/Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha”).

Trong một câu thơ Nguyễn Du vận dụng tất cả các giác quan để tả để cảm, cũng là tả cảnh ông mượn hình ảnh thơ cổ Trung Quốc “Phương thảo liên thiên bích - Lê chi sở điểm hoa”, nhưng câu thơ mới chỉ giới thiệu sự xuất hiện của sự vật, còn thơ Nguyễn Du cho ta thấy sự sáng tạo tuyệt vời: “Cỏ non xanh tận chân trời/Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”,

chỉ một từ “điểm” thôi nhưng bức tranh thiên nhiên trở nên sống động có hồn); - Sự khai thác bức tranh thiên nhiên để nói lên tâm trạng được Nguyễn Du thể hiện tài tình (Những bức tranh thiên nhiên trong Truyện Kiều sắc nét hơn khi cảnh đó lại được nhìn qua tâm trạng khi tả cảnh “Kiều ở lầu Ngưng Bích” diễn tả được sự cô đơn buồn tủi của Kiều nơi đất khách: “Buồn trông cửa bể chiều hôm/Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa/Buồn trông ngọn nước mới sa/Hoa trôi man mát biết là về đâu/ Buồn trông nội cỏ dầu dầu/ Chân mây mặt đất một màu xanh xanh/ Buồn trông gió cuốn mặt duềnh/Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”. Điệp ngữ “buồn trông” kết hợp với âm điệu gieo thanh bằng, thanh không mở ra không gian nổi lên vô định nỗi buồn chất chồng kéo dài trong cảnh ngộ cô đơn thân phận bọt bèo, đan xen lòng thương nỗi nhớ và sự bàng hoàng lo sợ dường như có cái gì đang rình rập vây quanh lấy nàng).

- Thứ ba, cần hướng dẫn HS biết bình bài thơ như một “lời tự sự”. Lời bình tế nhị giải thuyết phục không những khêu gợi trí tưởng tượng mà còn bổ sung bồi đắp thêm vốn thực tế cho HS hiểu và cảm được nội dung từng bài một cách đúng đắn, dễ dàng sâu sắc.

Ví dụ, khi bình hai câu thơ: “Sống trong cát chết vùi trong cát/Những trái tim như ngọc sáng ngời”, người dạy cần hướng dẫn để người học tự bình hoặc tự tìm được lời bình - như nhà phê bình Hoài Thanh viết: Tôi tưởng chừng như nghe lại câu nói ghê người của kinh thánh đạo Gia Tô “thân cát bụi trở về cát bụi”, câu nói đè nặng lên đời sống tôi trong những năm dài thê thảm; tôi đã có cảm giác như sắp rơi vào chán chường tuyệt vọng, không ngờ tiếp sau đó lại là câu “Những trái tim như ngọc sáng ngời”. Lời bình tưởng chừng rất chủ quan nhưng lại có giá trị như một nhận định khái quát về quan điểm chính trị và tài năng nghệ thuật.

Hoặc khi cảm nhận câu thơ tả cảnh thiên nhiên của Bác: “Tiếng suối trong như tiếng hát xa/ Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”, GV cần hướng dẫn HS so sánh với những câu thơ tả cảnh thiên nhiên như “trăng nhớ” của Nguyễn Du, cảnh “ao thu” của Nguyễn Khuyến, “con nai vàng ngơ ngác” của Lưu Trọng Lư, “cánh cò phân vân” của Xuân Diệu, “nắng ngẩn ngơ buồn” của Huy Cận... để thấy được trăng và hoa trở về bên thơ Bác yêu kiều lộng lẫy cổ điển mà hiện đại.

- Thứ tư, lời bình có khi là lời khen chê trực tiếp có ý nghĩa khái quát về giá trị một bài thơ, một áng văn, có khi là lời đánh giá về quan điểm sáng tác.

GV cần hướng dẫn người học bình theo cách so sánh đối chiếu, phạm vi so sánh đối chiếu bình văn thơ không chỉ hạn chế trong mối quan hệ với những bài văn, bài thơ, những câu văn ý thơ tương đồng, có

khi liên hệ với cuộc sống thực tế, hoặc tâm trạng, cuộc đời tác giả để lời bình có tính thuyết phục.

Ví dụ, khi bình về mấy bài thơ Thu của Nguyễn Khuyến, cần hướng dẫn, gợi ý để người học so sánh với “thu” của Chế Lan Viên, hay “*Đây mùa thu tới*” của Xuân Diệu, “thu rừng” của Huy Cận, thu trong thơ Xuân Diệu với: “Áo mơ phai dệt lá vàng” rồi “Gió thổi mây lặng dáng thu xa”... về cách lựa chọn từ ngữ, hình ảnh, màu sắc...

Thu trong thơ Chế Lan Viên: “Mùa thu róm máu rơi từng phút/Trong lá vàng thu đỏ ngập trời/Đường về thu trước xa xa lấm/Mà kẻ đi về chỉ một tôi”; hay: “Ai đâu trở lại mùa thu trước/Nhặt lấy cho tôi những lá vàng”... Còn thu trong thơ Nguyễn Khuyến đậm đà thi vị mà có sức lôi cuốn đó là mặt ao thu nước trong vắt, chiếc lá vàng bay “vèo”. Cách lựa chọn từ ngữ, hình ảnh màu sắc đã thể hiện được những rung cảm sâu sắc trước mùa thu.

Khi so sánh tư tưởng yêu nước của ba tác giả: Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi trong phần Văn học trung đại, GV có thể gợi mở để HS tự rút ra bài học về sự phát triển trong nhận thức: bài “*Nam Quốc sơn hà*” có hình thức như một bài sấm khẳng định quyền tự chủ và lẽ tất thắng của quân ta; “*Hịch tướng sĩ*” được xem như một “trường thiên đại luận” cấu tạo logic đánh vào tâm hồn, lí trí đại diện cho tinh thần dân tộc yêu nước của phong kiến cầm quyền; “*Bình ngô đại cáo*” của Nguyễn Trãi, tư tưởng yêu nước đạt đến trình độ cao hơn. “*Cáo bình Ngô*” có giá trị như một văn kiện, một áng “thiên cổ hùng văn”, lòng yêu nước gắn liền với tư tưởng nhân nghĩa: “Yêu nước thương dân, cứu nước phải dựa vào dân, lấy dân làm gốc”, đây là quan điểm tiến bộ vượt bậc trong ý thức hệ phong kiến.

Qua lăng kính lời bình của người dạy phải làm cho người học bình không chỉ có khen, khi cần thiết cũng phải chê. Khi chê GV không nên làm tổn hại đến tình cảm đẹp của HS với tác giả. Khi nói đến hạn chế của “*Hoàng Lê nhất thống chí*”, GV cần phải làm cho HS nhận thức được: mặc dầu còn nhiều hạn chế với thời đại, các tác giả do chưa đầy đủ về tiền đề lịch sử - xã hội cũng như tiền đề truyền thống văn học nghệ thuật, “*Hoàng Lê nhất thống chí*” chỉ đạt đến điển hình tâm lí kiểu Đông ki sốt của Xec-van-tét cũng bởi tiền đề lịch sử chưa đầy đủ về cuộc đấu tranh giai cấp, nhưng đây cũng là cuốn tiểu thuyết bằng văn xuôi ít thấy trong văn học cổ, đánh dấu bước phát triển đột xuất của dòng văn học hiện thực chủ nghĩa cổ, cận đại. Hay khi bình về tác phẩm “*Tắt đèn*”, phải làm cho HS tự khẳng định được: tác giả xây dựng nhân vật điển hình trong hoàn cảnh điển hình, một xã hội với bộ mặt

xấu xa thối nát, cảnh người dân phải bán cùng như chị Dậu. Cần hướng dẫn để người học nhận thức rõ: Tác giả mới dừng lại ở tác phẩm hiện thực, ông còn có cái nhìn bi quan về số phận người nông dân, điều kiện hiện thực lúc đó khiến ông chưa nhận ra con đường để giúp nông dân tự giải phóng như thế nào, nên khép lại tác phẩm bằng câu “Trời tối đen như tiền đồ của chị”.

3. Kết luận

Việc đổi mới phương pháp trong giờ đọc hiểu văn bản trong dạy - học *Ngữ văn* theo chuẩn kiến thức kĩ năng đang được nhiều GV bộ môn áp dụng để người học không thấy gò bó trong tiếp cận, giúp họ tự cảm nhận tự đánh giá một tác phẩm văn học, có cái nhìn khách quan, khái quát sự vật hiện tượng trong xu thế vận động. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2006). Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT về *Chuẩn kiến thức kĩ năng*.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [3] Nguyễn Hải Châu (chủ biên, 2007). *Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn 10*. NXB Hà Nội
- [4] Trần Đăng Suyền (2012). *Phương pháp nghiên cứu và phân tích tác phẩm văn học*. NXB Giáo dục Việt Nam
- [5] Vũ Quần Phương (1994). *Thơ với lời bình*. NXB Giáo dục.
- [6] Quốc hội (2009). *Luật Giáo dục sửa đổi*.
- [7] Hoài Thanh (2006). *Thi nhân Việt Nam - Một thời đại trong thi ca*. NXB Văn học.

Sử dụng sơ đồ tư duy...

(Tiếp theo trang 102)

- [11] Lê Minh Cường - Đỗ Đức Thông (2013). *Thiết kế và sử dụng bản đồ tư duy trong dạy học môn Toán ở trường trung học phổ thông*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 58, tr 57-64.
- [12] Đặng Văn Đức - Vũ Thị Hương (2012). *Sử dụng bản đồ tư duy trong dạy học Địa lí*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 4, tr 120-131.
- [13] Adam Khoo (2009). *Tôi tài giỏi - Bạn cũng thế!*. NXB Phụ nữ.
- [14] Tony Buzan (2008). *Sách hướng dẫn kĩ năng học tập theo phương pháp Buzan*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [15] Boyson, G. (2009). *The Use of Mind Mapping in Teaching and Learning*. The Learning Institute, Assignment 3.